TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ MY** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **15**/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Trà My, ngày 04 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1981.
Địa chỉ: thôn 05, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1979.
Địa chỉ: thôn 05, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Hồng N. Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản số 131/QĐ-NHCS ngày 22/11/2019.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Quốc K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị L và anh Nguyễn Quốc K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 13/6/2018. Giao cháu Nguyễn Thị Khánh T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Giao cho chị Trần Thị L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Quảng Nam số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo khế ước nhận nợ số 6600000715600680.

- Về án phí: chị Trần Thị L tự nguyện chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011399 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. Chị Trần Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*).

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- UBND xã T, huyện Bắc Trà My;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Hải